

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1484/QĐ-TTCS ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế Chư Sê về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê khai thác tài sản công gồm: Mặt bằng Nhà xe, Căn tin bệnh viện của Trung tâm Y tế Chư Sê;

Căn cứ Quyết định số 1503/QĐ-TTCS ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Y tế Chư Sê về việc phê duyệt Phương án đấu giá cho thuê khai thác tài sản công gồm Mặt bằng Nhà xe, Căn tin bệnh viện của Trung tâm Y tế Chư Sê;

Trung tâm Y tế Chư Sê thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

**1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản:**

- Tên đơn vị: Trung tâm Y tế Chư Sê
- Địa chỉ: 63 Trần Hưng Đạo, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

**2. Thông tin về các tài sản và giá khởi điểm:**

**Tài sản đấu giá:** Đấu giá cho thuê Mặt bằng Nhà xe, Căn tin bệnh viện của Trung tâm Y tế Chư Sê

**- Giá khởi điểm tài sản 1:**

| Stt | Tên tài sản         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tổng giá trị giá thuê theo tháng (VND) | Tổng giá trị giá thuê theo năm (VND) | Tổng giá trị thuê trong 05 năm (VND) |
|-----|---------------------|-----------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Nhà xe ô tô, xe máy | 330                         | 9.000.000                              | 108.000.000                          | 540.000.000                          |

Thời hạn thuê : 5 năm

**- Giá khởi điểm tài sản 2:**

| Stt | Tên tài sản | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tổng giá trị giá thuê theo tháng (VND) | Tổng giá trị giá thuê theo năm (VND) | Tổng giá trị thuê trong 05 năm (VND) |
|-----|-------------|-----------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Nhà căn tin | 54                          | 1.506.600                              | 18.079.200                           | 90.396.000                           |

Thời hạn thuê : 5 năm

**Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá:** 630.396.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng chẵn*).

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Chi tiết tại Phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đính kèm theo Thông báo này.

**4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá**

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày 21/9/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 24/9/2026 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Trung tâm Y tế Chư Sê (Địa chỉ: Phòng Tổ chức-Hành chính, 63 Trần Hưng Đạo, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai).

- Hình thức: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Y tế Chư Sê

**5. Một số lưu ý khác**

- Các tổ chức đăng ký nộp hồ sơ phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Văn bản đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá.

+ Phương án đấu giá (của đơn vị đấu giá): 01 bộ gốc.

+ Bảng tự chấm điểm của đơn vị theo phụ lục 01.

+ Hồ sơ năng lực: 01 bộ đầy đủ (kèm theo tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

- Người đến nộp hồ sơ phải có Giấy giới thiệu và Thẻ Căn cước công dân.

- Trung tâm Y tế Chư Sê không trả lại hồ sơ đối với các tổ chức không được lựa chọn bán đấu giá tài sản.

Trung tâm Y tế Chư Sê thông báo để các tổ chức được biết tham gia đăng ký theo quy định./. 

**Nơi nhận:**

- Công TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn>);
- Lưu: VT, TCHC.

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Minh Cẩn**

**Phụ lục I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**  
**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
*(theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

-----

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                              | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                             |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                        | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                  | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                 | <b>19,0</b>        |
| <b>1.</b>  | <b><i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                 | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>                                                                                                                                                                    | 5,0                |
| 1.2        | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>                                                                                                                                                                                                           | 5,0                |
| <b>2.</b>  | <b><i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                       | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                     | 2,0                |
| 2.2        | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                                                                     | 3,0                |
| <b>3.</b>  | <b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b> | <b>2,0</b>         |
| <b>4.</b>  | <b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>                                                                                                                        | <b>1,0</b>         |
| <b>5.</b>  | <b><i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                            | <b>1,0</b>         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                          | <b>16,0</b>        |
| <b>1.</b>  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i></b>                                                                                                                                                             | <b>4,0</b>         |
| 1.1        | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0                |
| 1.2        | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                                                                                                    | 2,0                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0  |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,0  |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0  |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 57,0 |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                  | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 12,0 |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 13,0 |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 14,0 |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 15,0 |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7,0  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0  |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,0  |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0  |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0  |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | 7,0  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0  |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0  |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0  |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0  |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |     |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7,0 |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4,0 |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0 |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6,0 |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7,0 |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0 |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0 |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2,0 |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0 |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |            |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 8.1                 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0        |
| 8.2                 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0        |
| 8.3                 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0        |
| 9.                  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        |
| 9.1                 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| 9.2                 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,0        |
| 9.3                 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8,0        |
| 1.                  | <i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0        |
| 2                   | <i>Trong năm 2025, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã tổ chức đấu giá thành 01 Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng, quyền cho thuê mặt bằng kinh doanh có tỷ lệ % chênh lệch tăng cao nhất so với giá khởi điểm, Tổ chức có mức chênh lệch cao nhất 3 điểm đơn vị thấp hơn không đáp ứng tiêu chí này.</i>                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 3.                  | <i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, không bao gồm trụ sở chi nhánh.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>100</b> |